TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2020/DS-ST
Ngày: 28-5-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Em;
2. Bà Nguyễn Thị Xuân Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tấn Sang – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Hồng Gấm - Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 306/2019/DSST ngày 08/8/2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Phương D, sinh năm 19XX; Địa chỉ: phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Văn N, sinh năm 19XX; Địa chỉ: đường B, Phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 17/7/2019) (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Đỗ Viết T, sinh năm 19XX; Địa chỉ: đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông S, sinh năm 19XX; Địa chỉ: Y St, Ho Jen Li Si, Tun, Dist, Taichung, Taiwan; Tạm trú: phường F, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

3.2. Bà Trần Thị Kim A, sinh năm 19XX; Địa chỉ: đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 7 năm 2019 và tại các bản tự khai, nguyên đơn bà Đỗ Thị Phương D do Lê Văn N là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Đỗ Thị Phương D và ông Đỗ Viết T là bạn bè làm ăn nên quen biết nhau. Ngày 26/01/2018, do ông T thiếu vốn để kinh doanh nên ông có gọi điện thoại cho bà D hỏi mượn số tiền là 500.000.000 (Năm trăm triệu đồng) trong thời hạn khoảng 02 (Hai) tháng và không tính lãi suất. Cùng ngày 26/01/2018, bà D đã chuyển tiền vào tài khoản của ông T số tiền là 500.000.000 (Năm trăm triệu đồng).

Tuy nhiên, sau đó ông T không thực hiện đúng như lời hứa là trả lại tiền cho bà D. Mặc dù bà D đã nhiều lần yêu cầu ông T trả tiền nhưng ông T cho rằng ông đã trả tiền cho bà D rồi. Bà D có hỏi ông trả cho ai, trả vào thời điểm nào, có ai ký nhận số tiền này không thì ông T nói là không nhớ và ngoài ra thì ông T cũng không có chứng cứ nào thể hiện việc trả tiền cho bà D.

Do là chỗ quen biết, tin tưởng nhau nên hai bên chỉ gọi điện thoại và chuyển khoản, không làm giấy tờ.

Nay, ông đại diện bà Đỗ Thị Phương D khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Viết T thanh toán số tiền là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng, không yêu cầu trả lãi, tất cả trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực. Ngoài ra bà D không có yêu cầu nào khác.

* Tại bản tự khai ngày 12/9/2019 và biên bản hòa giải, bị đơn ông Đỗ Viết T trình bày:

Ông và bà Đỗ Thị Phương D là bạn bè làm ăn nên quen biết nhau.

Ông xác nhận do cần vốn để bổ sung nguồn hàng hóa cho cửa hàng của mình nên ông có hỏi bà D để vay số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng và được bà D đồng ý. Ngày 26/01/2018, bà D chuyển khoản vào tài khoản mang tên K số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng, cả hai thỏa thuận miệng là ông mượn trong thời hạn 01 (Một) tháng sẽ thanh toán và bà D không tính lãi.

Tuy nhiên, vào chiều ngày 08/02/2018 ông đã trực tiếp trả số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng cho bà D, cụ thể ông là người trực tiếp đưa tiền cho bà D trên xe hơi của bà D đang dừng trước số nhà 24 M, phường A, Quận Z (là cửa hàng nơi ông đang kinh doanh) nhưng hai bên không làm giấy xác nhận đã giao nhận tiền. Còn số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, do trước đó vài ngày bà D gọi điện thoại cho ông yêu cầu ông đưa cho bà T1 bên đại lý bia số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng để trả tiền bia mà bà D thiếu bà T1, việc này cũng không có giấy xác nhận.

Đối với yêu cầu của Tòa về việc yêu cầu ông cung cấp họ tên và địa chỉ cư trú của bà T1, ông chỉ biết bà T1 cư trú tại địa chỉ số đường L, phường J, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài địa chỉ cư trú của bà T1 ở trên thì ông không còn tài liệu chứng cứ nào khác liên quan đến nơi cư trú của bà T1 cho Tòa. Ông xác nhận không còn tài liệu chứng cứ nào khác liên quan đến việc trả số tiền 400.000.000 đồng của bà D để cung cấp cho Tòa.

Nay, đối với yêu cầu khởi kiện của bà D yêu cầu ông trả số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng, ông không đồng ý vì ông đã trả đầy đủ số tiền trên cho bà D.

* Tại bản tự khai ngày 17/12/2019, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông S trình bày:

Ông là chồng của bà Đỗ Thị Phương D. Việc bà D cho ông Đỗ Viết T vay số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng thì ông hoàn toàn không biết, đây là tiền riêng của bà D. Do sự việc không liên quan đến ông nên ông đề nghị vắng mặt trong các buổi làm việc tại Tòa.

* Tại bản tự khai ngày 09/01/2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim A trình bày :

Bà là vợ của ông Đỗ Viết T. Việc ông T vay bà D số tiền 500.000.000 đồng, bà xác nhận bà có biết. Tuy nhiên, ông T đã thanh toán đầy đủ cho bà D nhưng không lập văn bản và không có giấy tờ chứng minh. Việc ông T sử dụng số tiền trên vào mục đích kinh doanh không phải sử dụng chi tiêu cho gia đình, do vậy bà không có liên quan đến vụ kiện trên. Bà đề nghị vắng mặt trong các buổi làm việc tại Tòa.

Tại phiên tòa hôm nay :

- Nguyên đơn : yêu cầu ông Đỗ Viết T thanh toán số tiền là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng, không yêu cầu trả lãi, tất cả trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực.

- Bị đơn: cung cấp thêm chứng cứ là quyển sổ tay ghi dòng chữ

"Ngày 8/2 Đưa NC 400tr

Ngày 8/2 Đưa T1 100tr (trả cho NC)"

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn vì ông đã trả đầy đủ số tiền trên cho bà D như nội dung quyển sổ đã cung cấp cho Tòa.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, TP. Hồ Chí Minh:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý được quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ Điều 93 đến Điều 97 Bộ luật tố

tụng dân sự; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự đúng quy định tại Điều 195, Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa :Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tụ bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Đỗ Thị Phương D về việc yêu cầu ông Đỗ Viết T phải trả cho bà D số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà D không yêu cầu ông T trả tiền lãi.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Đỗ Thị Phương D có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đỗ Viết T trả số tiền là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản là loại tranh chấp được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và bị đơn ông Đỗ Viết T sinh năm 1971 có địa chỉ cư trú tại đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35 và theo điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông D và bà Trần Thị Kim A cùng có Đơn yêu cầu vắng mặt trong các buổi làm việc giải quyết vụ kiện trên nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị Phương D yêu cầu ông Đỗ Viết T trả số tiền là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi. Tất cả trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận ngày 26/01/2018 nguyên đơn có chuyển khoản số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng vào tài khoản mà ông

T cung cấp tại Ngân hàng Thương mại V với nội dung: "Chuyển tiền cho K" với thời gian vay là 01 (Một) tháng, không tính lãi, mục đích bổ sung vốn kinh doanh, các bên không làm văn bản xác nhận vay tiền, đây là tình tiết không cần phải chứng minh của vụ án.

Theo nguyên đơn trình bày, sau khi hết thời gian thoả thuận ông T không trả số tiền trên cho bà, bà đã nhiều lần yêu cầu ông T trả tiền nhưng ông T cho rằng ông đã trả tiền cho bà rồi. Tuy nhiên, ông T không có chứng cứ nào thể hiện việc đã trả tiền cho bà

Theo bị đơn trình bày, ông đã trả toàn bộ số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng cho bà D. Cụ thể, ông trực tiếp đưa tận tay số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng cho bà D vào chiều ngày 08/02/2018 trên xe hơi của bà D dừng đậu trước phường A, quận Z (là cửa hàng nơi ông đang kinh doanh) nhưng hai bên không làm giấy xác nhận đã giao tiền. Đối với số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, do trước đó vài ngày bà D gọi điện thoại cho ông yêu cầu ông đưa cho bà T1 bên đại lý bia số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng để trả tiền bia mà bà D thiếu bà T1, việc này cũng không có giấy xác nhận.

Xét thấy, căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện khi đưa 400.000.000 đồng trả cho bà D các bên không ký nhận đã trả tiền hay đã nhận tiền mà chỉ có lời nói của ông T trong khi phía bà D không thừa nhận đã nhận số tiền 400.000.000 đồng từ ông T. Mặt khác, ông T thừa nhận không có ai làm chứng khi ông đưa tiền cho bà D.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án đã yêu cầu ông T cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông đã thanh toán đầy đủ số tiền đã vay cho bà D, cung cấp họ tên và địa chỉ cư trú của bà T1 (đại lý bia) – người đã nhận số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng từ ông để cấn trừ tiền mà bà D thiếu của bà T1. Ngày 07/5/2020, ông T cung cấp cho Tòa họ tên và địa chỉ cư trú của bà T1, cụ thể bà Trần Thị Minh T1, địa chỉ đường L, phường J, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua xác minh tại Công an phường J, Quận Z thì "Tại địa chỉ số đường L, phường J, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh không có ai tên Trần Thị Minh T1 cư trú". Tòa án đã thông báo cho ông biết nhưng ông không cung cấp được địa chỉ nào khác của bà T1.

Đối với chứng cứ là quyển sổ tay ghi dòng chữ:

"Ngày 8/2 Đưa NC 400tr

Ngày 8/2 Đưa T1 100tr (trả cho NC)"

Tại phiên tòa, ông T xác nhận dòng chữ trên là do vợ của ông là bà Trần Thị Kim A viết trước thời điểm đưa tiền cho bà D, tuy nhiên lại không có xác nhận của bà D trong quyển sổ. Xét thấy, tài liệu trên chỉ có một phía ông T ghi, không có chữ ký hoặc chữ viết xác nhận của nguyên đơn, ngoài ra quyển sổ chỉ ghi ngày và tháng nhưng lại không có năm cụ thể. Do vậy, tài liệu trên không được xem là chứng cứ để giải quyết vụ kiện.

Xét, ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết.

Xét thấy, việc giao kết hợp đồng giữa các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội. Đến thời hạn trả nợ theo cam kết giữa hai bên thì bên vay là ông T vẫn không trả tiền đã vay cho bà D. Như vậy, phía ông T đã vi phạm thời hạn trả nợ vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó việc bà D khởi kiện ông T là có cơ sở.

Tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác"*.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Phương D, buộc bị đơn ông Đỗ Văn T phải có trách nhiệm trả cho bà D số tiền đã vay là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng.

Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của bà D xác nhận không yêu cầu ông T phải trả tiền lãi đối với số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

[4] Về thời gian thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu của nguyên đơn không trái quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do bị đơn có nghĩa vụ phải trả nợ cho nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Quyền kháng cáo: bà Đỗ Thị Phương D, ông Đỗ Viết T, ông S, bà Trần Thị Kim A có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông S, bà Trần Thị Kim A.

2. Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Đỗ Viết T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Đỗ Thị Phương D số tiền là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng. Tất cả trả làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Phương D không yêu cầu bị đơn ông Đỗ Viết T phải trả lãi đối với số tiền trên.

Kể từ ngày án ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải chịu thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Đỗ Viết T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.000.000 (Hai mươi bốn triệu) đồng .

Nguyên đơn bà Đỗ Thị Phương D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0031488 ngày 08/8/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông S, bà Trần Thị Kim A vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Sang).

Lê Phương Thảo